| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ TÂN CHÂU**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 121/2019/DS-ST
Ngày: 20 - 9 - 2019
"V/v Tranh chấp Hợp đồng thuê và đòi lại tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thế Minh

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Anh;

2. Ông Phạm Thế Phương

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Đào Công Minh - thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2018/TLST- DS ngày 07/5/2018 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng thuê và đòi lại tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 416/2019/QĐXXST-DS ngày 16/8/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 445/2019/QDST- DS ngày 05/9/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Văn Đình S, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Số 60 C, cụm dân cư khóm 5, thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp;

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Vũ Tuấn A, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Số 103, đường Chi Lăng, phường 3, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo giấy ủy quyền ngày 18/4/2018; có mặt

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn H, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Tổ 11, ấp 3, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Tổ 11, ấp 3, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và tự khai cũng như trình bày của nguyên đơn thể hiện: Vào ngày 10/6/2017 ông S có cho ông H thuê chiếc xe KoPe mỗi tháng 23.000.000 đồng, thời gian thuê là 8 tháng 6 ngày, bằng tổng số tiền thuê là 188.600.000 đ, trong khi đó ông H có trả được 93.000.000 đồng còn nợ lại 95.600.000 đ và tiền ông S mua sích xe dùm cho ông H, sau khi trả KoBe thì ông H có ký vào biên nhận ngày 02/3/2018. Như vậy tổng cộng đến nay ông H còn nợ ông S 102.380.000 đồng việc hai bên thuê không lập Hợp đồng mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau, nay ông Tuấn A yêu cầu ông H và bà U là vợ ông H có trách nhiệm liên đới trả một lần dứt nợ trên cho ông S và phải tính lãi suất từ ngày 17/3/2018 đến nay theo mức lãi 0,83%/tháng của toàn bộ số nợ trên.

Tại phiên tòa hôm nay ông Tuấn A xin rút lại một phần yêu cầu, cụ thể là rút lại yêu cầu đối với bà U có trách nhiệm liên đới với ông H trả nợ cho ông S số nợ trên và xin rút phần yêu cầu đối với ông H về số tiền 58.380.000 đồng. Chỉ yêu cầu ông H trả cho ông S 39.000.000 đồng tiền thuê xe và 5.000.000 đồng tiền nợ mua dây sích.

- Bị đơn ông Phạm Văn H trình bày: Ông H thừa nhận có thuê KoBe của ông S với giá 22.000.000 đồng/ tháng và ông H có thuê được 6 tháng, Việc thuê không lập Hợp đồng mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Khi đó ông H có trả cho ông S được 93.000.000 đ, ngoài ra ông H có nhờ ông S mua dùm hai sợi dây sích và còn nợ lại 5.000.000 đ, vậy tổng cộng ông H còn nợ tiền ông S 44.000.000 đ. Còn việc ông S cho rằng ông H thuê KoBe với thời gian thuê là 8 tháng 6 ngày là không đúng mà ông H chỉ thuê KoBe có 6 tháng là trả KoBe. Ông H khẳng định vào ngày 02/3/2018 tại quán nước ở xã Vĩnh Xương ông H với ông S có ngồi tính sổ với nhau về số tiền thuê KoBe thì vợ ông S (bà Nguyễn Thị Thanh H) là người trực tiếp viết tờ biên nhận ngày 02/3/2018, ông H khẳng định ông H không ký tên vào tờ biên nhận ngày 02/3/2018. Theo ông H thì bà Nguyễn Thị U là vợ ông không có liên quan gì đến vụ án cả vì sự thỏa thuận thuê KoBe là giữa ông với ông S. Ông H chỉ thống nhất trả cho ông S 44.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị U trình bày: Bà thừa nhận là vợ của ông Phạm Văn H nhưng bà U không biết gì việc làm ăn giữa ông H với ông S cả và bà cũng không hề biết ông S là ai cả, việc Tòa án thông báo mời bà, bà U hoàn toàn bất ngờ vì vậy bà U đề nghị Tòa án bác yêu cầu của ông S yêu cầu bà cùng có trách nhiệm với ông H trả nợ cho ông S.

Toà án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thành.

Hội đồng xét xử công bố: Quyết định trưng cầu giám định số: 435/QĐ-TCGĐ ngày 15/10/2018; công văn tóm tắc vụ án số: 257/TA ngày 15/10/2018 và bản yêu cầu giám định số: 258/YCGĐ ngày 15/10/2018 cùng của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, kết luận giám định số 697/KLGĐ-PC09 ngày 31/12/2018 và phiếu thanh toán bồi dưỡng giám định số 697/KLGĐ-PC09 ngày 31/12/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang, bản tự khai ngày 05/10/2018, đơn xin vắng mặt ngày 24/9/2018 của bà Nguyễn Thị U, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 10/7/2018, biên bản hòa

giải ngày 10/7/2018, biên bản đối chất ngày 23/8/2018, biên bản lấy lời khai ngày 08/10/2018 đều của Tòa án nhân dân thị xã tân Châu, tỉnh An Giang, biên nhận ngày 02/3/2018 do ông S cung cấp có chữ ký ông H, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 277/2019/QĐ-CCCC ngày 16/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã tân Châu, công văn số 617/CV-UBNDP ngày 22/7/2019 của UBND xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu về việc cung cấp tài liệu chữ ký của ông Phạm Văn H.

Tại phiên tòa, ông Tuấn A giữ nguyên yêu cầu, ông H và bà U vắng mặt.

Ông Tuấn A xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác, ông H và bà U vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 44.000.000 đồng và lãi suất theo yêu cầu là 0,83%/tháng. Đình chỉ phần nguyên đơn xin rút yêu cầu, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định nhưng do không đủ mẫu giám định nên đã có kết luận giám định không được. Vì vậy, nguyên đơn phải chịu tiền lệ phí giám định 3.000.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ vụ án được công bố thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây gọi HĐXX) xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án "Tranh chấp Hợp đồng thuê và đòi lại tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, người bị kiện ông Phạm Văn H, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Tổ 11, ấp 3, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang và ông S đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định, Tòa án Tân Châu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Sự vắng mặt của đương sự: Ông Phạm văn H vắng mặt, không lý do, bà Nguyễn Thị U có đơn xin vắng mặt Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Vụ án tranh chấp Hợp đồng thuê tài sản giữa ông Văn Đình S với ông Phạm Văn H đôi bên không có xác lập hợp đồng nhưng hai bên thừa nhận có xảy ra thực tế trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận là hợp pháp được pháp luật xem xét và bảo vệ.

Đối với chiếc xe COPE mà ông H thuê của ông S, hai bên thừa nhận ông H đã trả lại cho ông S, hiện hai bên không có tranh chấp nên không đạt ra xem xét.

Theo thông báo thụ lý vụ án, Tòa án thụ lý quan hệ tranh chấp "Hợp đồng thuê tài sản", theo đơn khởi kiện thì ông S có mua dùm ông Hùng sợi dây sích xe và còn nợ lại 5.000.000 đồng. Do đó Tòa án đã có thông báo thụ lý bổ sung "đòi lại tài sản" số 578/TB-TLVA ngày 12/9/2019.

[3] Về nội dung: Theo đơn khởi kiện và tự khai cũng như trình bày của nguyên đơn và thừa nhận của bị đơn thể hiện: Vào ngày 10/6/2017 ông S có cho ông H thuê chiếc xe KoPe mỗi tháng 23.000.000 đồng, thời gian thuê là 8 tháng 6, bằng tổng số tiền thuê là 188.600.000 đ, trong khi đó ông H có trả cho ông S được 93.000.000 đồng tiền thuê, còn nợ lại 95.600.000 đ và tiền ông S mua sích xe dùm cho ông H, sau khi trả xe KoBe thì ông H có ký vào biên nhận ngày 02/3/2018. Như vậy tổng cộng đến nay ông H còn nợ ông S 102.380.000 đ. Ông H chỉ thừa nhận còn nợ ông S 44.000.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng Phía nguyên đơn có yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký tên của ông H trong biên nhận ngày 02/3/2018 và Tòa án đã ra quyết định trưng cầu giám định số 435/QĐ-TCGĐ ngày 15/10/2018, theo kết luận giám định số 697/KLGĐ-PC09 ngày 31/12/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang đã kết luận "không đủ cơ sở kết luận giám định". Tòa án ra thông báo số 430/TB-TA ngày 01/7/2019 yêu cầu nguyên đơn cung cấp, giao nộp bổ sung chứng cứ để trưng cầu giám định tiếp tục, đến ngày 10/7/2019 ông Văn Đình S có đơn yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ tại UBND và Công an xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang và Tòa án Tân Châu đã ra quyết định số 277/2019/QĐ-CCCC ngày 16/7/2019 yêu cầu UBND và Công an xã Vĩnh Xương cung cấp chứng cứ để Tòa án tiếp tục trưng cầu giám định. Ngày 22/7/2019 UBND xã Vĩnh Xương có Công văn số 617/CV-UBND về việc không cung cấp được tài liệu chứng cứ, Tòa án đã ra thông báo số 493/TB-TA ngày 23/7/2019 về việc không thu thấp được tài liệu chứng cứ, từ đó đến nay phía nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ để tiếp tục trưng cầu giám định.

Tại phiên Tòa hôm nay ông Tuấn A xin rút lại một phần yêu cầu cụ thể là rút lại yêu cầu đối với bà U có trách nhiệm liên đới với ông H trả nợ cho ông S và xin rút phần yêu cầu đối với ông H 58.380.000 đồng/tổng số tiền nợ 102.380.000 đồng, lý do không cung cấp được chứng cứ để trưng cầu giám định. Xét thấy sự tự nguyên của đại diện nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu trong vụ án là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ phần rút yêu cầu này của nguyên đơn đối với ông H và bà U.

Xét yêu cầu của đại diện nguyên đơn yêu cầu ông H trả cho ông S 39.000.000 đồng tiền thuê xe và lãi suất kèm theo, theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 với mức lãi 0,83%/tháng là hoàn toàn phù hợp, phần này cũng được ông H thừa nhận như nêu trên, nên được chấp nhận. Cụ thể tính như sau: 39.000.000 đồng x 83%/tháng x 18 tháng 3 ngày = 5.859.000 đồng tiền lãi.

Xét về lỗi: Ông Phạm Văn H thừa nhận có thuê xe COPE của ông S và còn nợ tiền của ông S nên ông H có lỗi đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với ông S, làm thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của ông S.

Như vậy tổng cộng tính đến nay ông H phải trả cho ông S các khoản gồm 5.000.000 đồng tiền nợ mua dây sích + 39.000.000 đồng tiền thuê xe + 5.859. 000 đồng tiền lãi bằng 49.859.000 đồng.

[4] Về chi phí giám định: Do nguyên đơn yêu cầu giám định chữ ký của bị đơn như nhận định phần trên, do không đủ cơ sở kết luận. Tại phiếu thanh toán bồi dưỡng giám định số 697/KLGĐ-PC09 ngày 31/12/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang đã thu phí giám định là 3.000.000 đồng số tiền này nguyên đơn phải chịu (nguyên đơn đã chi xong)

[5] Về án phí DSST: Do ông Phạm Văn H có lỗi nên ông H phải chịu 2.493.000 đồng (hai triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Ông Văn Đình S được hoàn lại 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004615 ngày 04/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26 Điều 35; khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 161, khoản 1 Điều 162, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 472, Điều 481 Bộ luật dân sự. khoản 2 Điều 26 nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Văn Đình S do ông Vũ Tuấn A đại diện theo ủy quyền.

1. Buộc ông Phạm Văn H phải có trách nhiệm trả cho ông Văn Đình S do anh Vũ Tuấn A đại diện theo ủy quyền là 49.859.000 đồng (Bốn mươi chín triệu tám trăm năm mươi chín nghìn đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu của ông Văn Đình S do ông Vũ Tuấn A đại diện theo ủy quyền yêu cầu đối với bà Nguyễn Thị U có trách nhiệm liên đới với ông H trả nợ cho ông S và phần yêu cầu đối với ông H trả cho ông S 58.380.000 đồng.

Ông Văn Đình S phải chịu 3.000.000 đồng lệ phí trưng cầu giám định theo phiếu thu số 697/KLGĐ-PC09 ngày 31/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang (đã nộp xong).

3. Về án phí DSST: Ông Phạm Văn H phải chịu 2.493.000 đồng (Hai triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Ông Văn Đình S được hoàn lại 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004615 ngày 04/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

"Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lải của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015".

Trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án ông Văn Đình S có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu tòa xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của anh Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị U là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**Ngô Thế Minh**